TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC N - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2026/DS-ST
Ngày: 29/7/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC N - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế.

2. Ông Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/7/2026 và 29/7/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 370/2025/TLST-DS ngày 10/11/2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2026/QĐXXST-DS ngày 01/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 479/2026/QSĐST-DS ngày 15/6/2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 663/TB-DS ngày 23/6/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 43 - D - D, đường N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Faussier Loic Michel M – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông F là ông Nguyễn Trần T – Trưởng Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ1 – P. (theo Quyết định ủy quyền số 3551.2026.QĐ.LEG ngày 15/7/2026)

Địa chỉ: Số D Quốc lộ H, Ấp A, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số C, Ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình T1: Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1994. (theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2026)

Địa chỉ: Khóm L, phường M, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Kim T3, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số B, Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

3.2. Chị Nguyễn Trần Huyền T4, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số C, Ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số D, đường N, ấp T, xã T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Anh/Chị Nguyễn Trần Minh T5, sinh năm 2002;

3.4. Anh/Chị Nguyễn Đình Minh T6, sinh năm 2006;

Cùng địa chỉ: Số A, Ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt: Anh Nguyễn Trần T, anh Nguyễn Thanh T2.

Có đơn xin vắng mặt: Bà Võ Kim T3, chị Nguyễn Trần Minh T5, anh Nguyễn Đình Minh T6.

Vắng mặt không lý do: Chị Nguyễn Trần Huyền T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ý kiến Ngân hàng TMCP S1 (viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Trần T trình bày:

Ngày 15/04/2021, Ông Nguyễn Đình T1 và Bà Nguyễn Thị Kim T7 có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 202327168314, ngày 19/07/2023, mức cho vay 1.000.000.000 đồng.

Giải ngân khoản vay: Ngày 19/07/2023 Ông Nguyễn Đình T1 ký Giấy nhận nợ số LD2320000733, chi tiết như sau: Số tiền vay: 800.000.000 đồng; Thời hạn trả hết nợ: 19/07/2024; Ngày 20/07/2023 Ông Nguyễn Đình T1 ký Giấy nhận nợ số LD2320100648, chi tiết như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn trả hết nợ: 20/07/2024; Phương thức trả nợ: Vốn gốc trả vào ngày đến hạn. Lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 20 theo dư nợ thực tế. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm bắt đầu 13,5%/năm kể từ ngày ký Giấy nhận nợ này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở + (cộng) 3,5% biên độ và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. (Lãi suất tại thời điểm quá hạn ngày 20/07/2024 là 20,25%/năm); Phương thức trả nợ: Vốn gốc trả vào ngày 19/07/2024. Lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 20 theo dư nợ thực tế.

Ngày 30/06/2024, Ông Nguyễn Đình T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Dư nợ gốc hiện tại là 997.600.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông Nguyễn Đình T1 và bà Nguyễn Thị Kim T7 có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A, ngày 19/07/2023 được Văn phòng C chứng thực ngày 19/07/2023 số 1759 quyển số 02/2023-TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất có diện tích 377,2 m^2 đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 35, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DK989013, số vào sổ cấp GCN số CS07679 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp ngày 05/05/2023. Quyền sử dụng đất có diện tích 58 m^2 Đất ở tại đô thị, thuộc thửa 209, tờ bản đồ số 35, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DK989021, số vào sổ cấp GCN số CS07680 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp ngày 05/05/2023, đất cùng tọa lạc tại địa chỉ: TT L, huyện L, Đồng Tháp (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Kim T7 đã chết vào ngày 16/9/2023 theo Trích lục khai tử số 18/2025/TLKT-BS ngày 11/01/2025, có hàng thừa kế thứ nhất là: Bà Võ Kim T3 là mẹ ruột, ông Nguyễn Đình T1 là chồng, các con là: Nguyễn Trần Huyền T4, Nguyễn Trần Minh T5, Nguyễn Đình Minh T6.

Ngoài ra, ngày 25/07/2023, Ông Nguyễn Đình T1 có ký hồ sơ mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân hợp đồng số 1984 ngày 25/07/2023: Hạn mức 50.000.000 đồng; Thời hạn 05 năm; Lãi suất mở thẻ: 26,6%/năm; Ngày thanh toán: Định kỳ ngày 15 hàng tháng. Ngày 30/06/2024, Ông Nguyễn Đình T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Dư nợ thẻ tín dụng: 66.590.737 đồng

Đến nay, ông Nguyễn Đình T1 chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/07/2023:

+ Buộc Ông Nguyễn Đình T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền chưa thanh toán tạm tính đến ngày 22/5/2026 là: 1.401.388.909 đồng, trong đó vốn gốc là 997.600.000 đồng, lãi trong hạn là 262.244.100 đồng, lãi quá hạn là 128.677.099 đồng, lãi chậm trả là 12.867.710 đồng.

+ Buộc Ông Nguyễn Đình T1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026 tại theo mức lãi suất quy định Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/07/2023, Giấy nhận nợ số LD2320000733 ký vào ngày 19/07/2023, Giấy nhận nợ số LD2320100648 ký ngày 20/07/2023 đến khi trả hết gốc và lãi cho ngân hàng.

+ Công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A ngày 19/07/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S1 và Ông Nguyễn Đình T1 - Bà Nguyễn Thị Kim T7 được Văn phòng C chứng thực ngày 19/07/2023 số 1759 quyển số 02/2023-TP/CC-SCC/HĐGD.

+ Trong trường hợp Ông Nguyễn Đình T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ vay ngân hàng tại Hợp đồng cho vay số

202327168314 ngày 19/07/2023 thì Ngân hàng TMCP S1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp là thửa 88, tờ bản đồ số 35, diện tích 377,2m^2, đất chuyên trồng lúa nước, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp cho ông Nguyễn Đình T1 ngày 05/05/2023 và thửa 209, tờ bản đồ số 35, diện tích 58m^2, đất ở tại đô thị, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp cho ông Nguyễn Đình T1 ngày 05/05/2023, đất cùng tọa lạc tại địa chỉ: TT L, huyện L, Đồng Tháp (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp). Ông Nguyễn Đình T1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nêu trên, thừa kế quyền và nghĩa vụ của Bà Nguyễn Thị Kim T7 là ông Nguyễn Đình T1, bà Võ Kim T3, chị Nguyễn Trần Huyền T4, Nguyễn Trần Minh T5, Nguyễn Đình Minh T6 phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A ngày 19/07/2023.

+ Trong trường hợp số tiền phát mãi thu hồi từ tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S1 thì ông Nguyễn Đình T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- Đối với thẻ tín dụng:

+ Buộc Ông Nguyễn Đình T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền thẻ tín dụng chưa thanh toán tạm tính đến ngày 22/5/2026 là: 78.171.397 đồng, trong đó vốn gốc là 49.771.207 đồng, số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 28.400.190 đồng.

+ Buộc Ông Nguyễn Đình T1 phải tiếp tục trả tiền lãi quá phát sinh từ ngày 23/5/2026 tại theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số hợp đồng 1984 ngày hợp đồng 25/07/2023 đến khi trả hết gốc và lãi cho ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T1 trình bày:

Ông Nguyễn Đình T1 thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Trần T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Nguyễn Đình T1 và bà Nguyễn Thị Kim T7 có ký vay vốn tại S2 – CN Đồng Tháp – PGD Lai Vung theo Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/07/2023, Giấy nhận nợ số LD2320000733 ký vào ngày 19/07/2023, Giấy nhận nợ số LD2320100648 ký ngày 20/07/2023. Đồng thời, có mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số hợp đồng 1984 ngày hợp đồng 25/07/2023. Đối với tài sản bảo đảm có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A ngày 19/07/2023, theo đó thế chấp bất động sản thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 35, diện tích 377,2m^2 và thửa 209, tờ bản đồ số 35, diện tích 58m^2, tọa lạc tại ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, tài sản bảo đảm là nền đất trống, không thực hiện giao dịch dân sự nào khác.

Tính đến thời điểm hiện nay, ông T1, bà T7 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng gồm: Nợ gốc và lãi đối với Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 22/5/2026 là 1.401.388.909 đồng, trong đó vốn gốc là 997.600.000 đồng, lãi trong hạn là 262.244.100 đồng, lãi quá hạn là 128.677.099 đồng, lãi chậm trả là 12.867.710 đồng. Nợ gốc và lãi đối với thẻ tín dụng là 78.171.379 đồng, trong đó

vốn gốc là 49.771.207 đồng, số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 28.400.190 đồng.

Tuy nhiên, ông T1 đề nghị Ngân hàng cho thời gian ông T1 sắp xếp thanh toán khoản nợ nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Kim T3, chị Nguyễn Trần Minh T5, anh Nguyễn Đình Minh T6: Có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Trần Huyền T4: đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp nhưng hôm nay vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N- Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đương sự đã chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/07/2023, buộc ông T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 1.401.388.909 đồng, tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026; Công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A ngày 19/07/2023; Trong trường hợp ông T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp; buộc ông T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng là 78.171.397 đồng, phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ngân hàng TMCP S1, nay là Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu T1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng ngày 19/7/2023, Hợp đồng thẻ tín dụng, yêu cầu liên quan đến Hợp đồng thế chấp tài sản và xử lý tài sản thế chấp, có người vay tiền đã chết, do đó căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) và Điều 615 Bộ luật dân sự (viết tắt BLDS) xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Bị đơn ông T1 cư trú tại xã H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Đối với tư cách tố tụng: Ngày 01/6/2026, Ngân hàng TMCP S1 có Nghị quyết số 0100.2026.NQ.BOD về việc sửa đổi tên của Ngân hàng tại Điều lệ S2 do đó xác định nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Võ Kim T3, chị Nguyễn Trần Minh T5, anh Nguyễn Đình Minh T6 có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Trần Huyền T4 vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng:

- Theo Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/7/2023 (viết tắt Hợp đồng tín dụng) giữa Ngân hàng và bên vay ông T1, bà T7. Khoản vay 1.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp (trồng kiểng), phương thức trả nợ: Vốn gốc trả vào ngày đến hạn từng đợt giải ngân, lãi trả định kỳ hàng tháng. Không có đương sự phản đối về việc xác lập hợp đồng, do đó Hợp đồng tín dụng ngày 19/7/2023 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định pháp luật về hình thức và nội dung, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng theo quy định tại Điều 116, 117, 119, 398, 401, 463 BLDS, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt Luật TCTD). Nên các nội dung Hợp đồng tín dụng được thừa nhận và bảo vệ, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, do đó có giá trị ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia.

- Nghĩa vụ thanh toán:

Theo giấy nhận nợ số LD2320000733 ngày 19/7/2023 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 800.000.000 đồng, giấy nhận nợ số LD2320100648 ngày 20/7/2023 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 200.000.000 đồng. Giải ngân vào tài khoản số 0700 9323 9898 của ông T1 (bút lục 12, 13). Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay. Đối với nghĩa vụ ông T1, bà T7: đến ngày 30/6/2024, vi phạm nghĩa vụ trả lãi và không thanh toán tiền gốc nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, được ông T1 thừa nhận nội dung này.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim T7, tên gọi khác Nguyễn Kim T7 cùng số chứng minh nhân dân 340868948 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/4/2011, đã chết vào ngày 16/9/2023 theo Trích lục khai tử số 18/2025/TLKT-BS ngày 11/01/2025, có hàng thừa kế thứ nhất là: ông Nguyễn Văn Đ đã chết; bà Võ Kim T3 là mẹ ruột, ông Nguyễn Đình T1 là chồng, các con là: Nguyễn Trần Huyền T4, Nguyễn Trần Minh T5, Nguyễn Đình Minh T6 là đúng với Tờ khai hàng thừa kế ngày 11/5/2026 của ông Nguyễn Đình T1 và công văn số 1085/UBND ngày 12/6/2026, Công văn cung cấp thông tin ngày 03/6/2026 của Công an xã H và các giấy khai sinh của chị T4, chị T5, anh T6.

Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ yêu cầu nghĩa vụ thanh toán đối với ông T1, không yêu cầu nghĩa vụ của bà T3, chị T4, chị T5, anh T6 là hoàn toàn tự nguyện. Theo đó, Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải thanh toán số tiền gốc chưa thanh toán tạm tính đến ngày 22/5/2026 là: 1.401.388.909 đồng, trong đó vốn gốc là 997.600.000 đồng, lãi trong hạn là 262.244.100 đồng, lãi quá hạn là 128.677.099 đồng, lãi chậm trả là 12.867.710 đồng (theo bảng tính tiền lãi vay ngày 22/5/2026) là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS, khoản 1 Điều 95 LCTCTD nên chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 nên chấp nhận yêu cầu này.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp và xử lý tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp số 202327168314A ngày 19/7/2023 ký kết giữa Ngân hàng và ông T1, bà T7 tại Văn phòng C, Ngân hàng đã tiến hành thủ tục khảo sát, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp cùng ngày. Tài sản thế chấp là thửa đất số 88 và thửa đất số 209, cùng tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Nguyễn Đìnhh T8 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/5/2023. Như vậy, hợp đồng thế chấp đã được các bên tự nguyện ký kết, công chứng chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại các Điều 292, 298, 317, 318, 319 và Điều 320 của; điểm a khoản 1 Điều 4 ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm là có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Cho nên, Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng thế chấp số 202327168314A ngày 19/7/2023 giữa Ngân hàng và ông T8, bà T7 là có hiệu lực pháp luật. Do đó, trường hợp ông T8 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng thế chấp ngày 28/8/2020 và Điều 299, khoản 7 Điều 323 BLDS. Ông Nguyễn Đình T1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Bà Nguyễn Thị Kim T7 là ông Nguyễn Đình T1, bà Võ Kim T3, chị Nguyễn Trần Huyền T4, Nguyễn Trần Minh T5, Nguyễn Đình Minh T6 phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A ngày 19/07/2023.

[2.3] Đối với thẻ tín dụng:

Ngày 25/07/2023, Ông Nguyễn Đình T1 có ký hồ sơ mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân hợp đồng số 1984 ngày 25/07/2023: Hạn mức 50.000.000 đồng; Thời hạn 05 năm; Lãi suất mở thẻ: 26,6%/năm; Ngày thanh toán: Định kỳ ngày 15 hàng tháng. Ngày 30/06/2024, Ông Nguyễn Đình T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Dư nợ thẻ tín dụng: 66.590.737 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với yêu cầu của Ngân hàng. Đồng ý có nghĩa vụ thành toán cho Ngân hàng số tiền thẻ tín

dụng chưa thanh toán tạm tính đến ngày 22/5/2026 là 78.171.397 đồng, trong đó vốn gốc là 49.771.207 đồng, lãi trong hạn 21.200.190 đồng, lãi quá hạn 7.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026 là đúng với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với những phân tích trên nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông T1 phải chịu 200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông T1 phải trả số tiền này cho Ngân hàng do đã tạm chi xong.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

- Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 25.004.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006926 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ông T1 phải chịu 56.386.808 đồng, làm tròn là 56.387.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng.

- Ông T1, bà T3, chị T4, chị T5, anh T6 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc công nhận Hợp đồng thế chấp là có hiệu lực pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 68, 74, 91, 147, 177, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 292, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 398, 401, 463, 466, 615 ;

Căn cứ ;

Căn cứ ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1.1. Đối với Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/07/2023:

- Buộc Ông Nguyễn Đình T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền chưa thanh toán tạm tính đến ngày 22/5/2026 là: 1.401.388.909 đồng, trong đó vốn gốc là 997.600.000 đồng, lãi trong hạn là 262.244.100 đồng, lãi quá hạn là 128.677.099 đồng, lãi chậm trả là 12.867.710 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Đình T1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026 tại theo mức lãi suất quy định Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/07/2023, Giấy nhận nợ số LD2320000733 ký vào ngày 19/07/2023, Giấy nhận nợ số LD2320100648 ký ngày 20/07/2023 đến khi trả hết gốc và lãi cho ngân hàng.

1.2 Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản:

- Công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A ngày 19/07/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Đình T1, bà Nguyễn Thị Kim T7 được Văn phòng C chứng thực ngày 19/07/2023 số 1759 quyển số 02/2023-TP/CC-SCC/HĐGD.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Đình T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ vay ngân hàng tại Hợp đồng cho vay số 202327168314 ngày 19/07/2023 thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp là thửa 88, tờ bản đồ số 35, diện tích 377,2m^2, đất chuyên trồng lúa nước, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp cho ông Nguyễn Đình T1 ngày 05/05/2023 và thửa 209, tờ bản đồ số 35, diện tích 58m^2, đất ở tại đô thị, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp cho ông Nguyễn Đình T1 ngày 05/05/2023, đất cùng tọa lạc tại địa chỉ: thị trấn L, huyện L, Đồng Tháp (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp).

- Ông Nguyễn Đình T1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Kim T7 là ông Nguyễn Đình T1, bà Võ Kim T3, chị Nguyễn Trần Huyền T4, Nguyễn Trần Minh T5, Nguyễn Đình Minh T6 phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327168314A ngày 19/07/2023.

- Trong trường hợp số tiền phát mãi thu hồi từ tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho là Ngân hàng TMCP S thì ông Nguyễn Đình T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

1.3 Đối với thẻ tín dụng:

-Buộc ông Nguyễn Đình T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền thẻ tín dụng chưa thanh toán tạm tính đến ngày 22/5/2026 là 78.171.397 đồng, trong đó vốn gốc là 49.771.207 đồng, lãi trong hạn 21.200.190 đồng, lãi quá hạn 7.200.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Đình T1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026 tại theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số hợp đồng 1984 ngày hợp đồng 25/07/2023 đến khi trả hết gốc và lãi cho ngân hàng.

2. Về chi phí: Ông Nguyễn Đình T1 phải chịu 200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Đình T1 phải trả số tiền này cho Ngân hàng TMCP S do đã tạm chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ngân hàng TMCP S được nhận lại 25.004.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006926 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Ông Nguyễn Đình T1 phải chịu 56.387.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Ông Nguyễn Đình T1, bà Võ Kim T3, chị Nguyễn Trần Huyền T4, chị Nguyễn Trần Minh T5, anh Nguyễn Trần Minh T9 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực N- Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KVN – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyến